

Bản án số: 846/2024/HSPT
Ngày 14/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang.

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thái Duy Khánh - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14/10/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 987/2024/TLPT-HS ngày 26/8/2024 do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 387/2024/HS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Bị cáo Nguyễn Trọng H, sinh năm 1984; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số 83 tổ 4, phường V, quận H, Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên bố: Nguyễn Trọng P; họ tên mẹ: Trần Thị N (đã chết); họ tên vợ: Dương Thị Bích Ng (đã ly hôn); có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam từ ngày 03/02/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an TP Hà Nội; số giam: 970E2/B4; có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Thanh T**, Đoàn luật sư thành phố H (bào chữa theo chỉ định của Tòa án); có mặt.

- Bị hại: Ông **Trần Đình B**, sinh năm: 1984; nơi ở: Số 145 T, phường B, quận T, Hà Nội; vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Phan Thị T và Luật sư Nguyễn Mạnh C, Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư thành phố H; có mặt Luật sư Phan Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2020, ông Trần Đình B là Giám đốc Công ty cổ phần xây lắp hạ tầng B (gọi tắt là Công ty B) quen biết với Nguyễn Trọng H là Giám đốc Công ty TNHH xây dựng công nghiệp T (gọi tắt là Công ty T) thông qua giao dịch hợp tác một số hạng mục dự án xây dựng. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 3/2023, lợi dụng lòng tin của ông B, H đưa ra thông tin gian dối về việc thỏa thuận với ông B ký hợp đồng chuyển nhượng thi công phá dỡ công trình xây dựng cũ của các dự án: “Trường Nguyễn Bình Khiêm - NBK West Lake” tại: Lô đất CT08, KĐT Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Tp Hà Nội và Dự án phá dỡ “Khu nhà ở xã hội tại Tổng kho 3 Lạc Viên” tại: số 142 Lê Lai, phường Máy Chai - Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, chiếm đoạt số tiền 4.700.000.000 đồng của ông B; cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.400.000.000 đồng thông qua việc ký hợp đồng thuê phá dỡ công trình thuộc dự án xây dựng “Trường THCS & THPT Nguyễn Bình Khiêm - NBK WEST LAKE”:

Tháng 10/2021, tại Văn phòng Công ty cổ phần xây lắp hạ tầng B (địa chỉ: Số 145 T, phường B, quận T, Hà Nội), Nguyễn Trọng H đưa ra thông tin gian dối với ông Trần Đình B về việc Công ty T được Công ty TNHH Phát triển khu đô thị C (gọi tắt là Công ty C) giao gói thầu phá dỡ hạ tầng công trình thuộc dự án xây dựng “Trường THCS & THPT Nguyễn Bình Khiêm - NBK WEST LAKE”. H thỏa thuận nhượng gói thầu này cho ông B thực hiện kèm theo quyền được hưởng toàn bộ sắt thép phế liệu thu gom được. H và ông B thống nhất sau khi tính tiền sắt thép phế liệu ước tính thu gom được tại công trường trừ đi công phá dỡ công trình thì ông B phải thanh toán thêm cho H số tiền 2.150.000.000 đồng để được hưởng sắt thép phế liệu.

H đã trực tiếp dẫn ông B đến hiện trường dự án nằm trong khuôn viên của Công ty C tại phường P, quận T, TP Hà Nội, chỉ cho ông B xem và bảo đó là dự án công trình xây dựng “Trường THCS & THPT Nguyễn Bình Khiêm - NBK WEST LAKE” để tạo lòng tin cho ông B. Khi xem thực tế, ông B thấy có 01 khối nhà 03 tầng, 01 hầm bỏ hoang từ lâu, tính toán có lợi nhuận nên ông B tin tưởng, đồng ý thỏa thuận, chuyển tiền cho H. Các ngày 26, 28/10/2021 và 31/8/2022, ông B đã chuyển khoản cho H vào tài khoản số 19023360065015 mở tại ngân hàng Techcombank mang tên Nguyễn Trọng H tổng số tiền 600.000.000 đồng.

Ngày 21/12/2022, để tiếp tục tạo lòng tin cho ông B, H cho ông B xem Hợp đồng thuê phá dỡ công trình xây dựng số 4680/CHIC/1 2-2022 đề ngày 14/12/2022 (bản có dấu đỏ) thể hiện nội dung “Công ty TNHH Phát triển khu đô thị C giao Công ty T thực hiện gói thầu thi công phá dỡ công trình xây dựng Trường Nguyễn Bình Khiêm-NBK WEST LAKE”. H giữ lại bản gốc, photo cho ông B 01 bản hợp đồng này để lưu lại. Cùng ngày, H đã đại diện Công ty T ký Hợp đồng thuê phá dỡ công trình với Công ty B do ông B làm Giám đốc. Ông B tiếp tục chuyển khoản cho H số tiền 800.000.000 đồng vào tài khoản số 19023360065015 đứng tên Nguyễn Trọng H tại Ngân hàng Techcombank. Cụ thể: Ngày 22/12/2022, ông B chuyển khoản cho H số tiền 400.000.000 đồng với

nội dung “ck Nguyen Trong H - Cty B tam ung lan 2 theo hop dong pha do ctrinh XD so 122022.HDTC. B-TP ngay 21.12.2022”. Cùng ngày, ông B tiếp tục chuyển khoản cho H số tiền 400.000.000 đồng với nội dung “ck Nguyen Trong H - Cty B tam ung hop dong thue pha do ctrinh XD so 122022.HDTC.B-TP ngay 21.12.2022”.

Cơ quan điều tra xác minh tại Công ty TNHH Phát triển khu đô thị C xác định:

- Công ty C không có lô đất nào số CT08 và không có dự án “Trường Nguyễn Bình Khiêm - NBK West Lake” trong toàn bộ diện tích của khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

- Ngày 28/9/2022, Công ty C có ký Hợp đồng thuê phá dỡ công trình xây dựng số: 4675/CHIC/CT/9-2022/D về việc giao hạng mục phá dỡ công trình Trường mầm non tại ô đất IC35 - KĐT Nam Thăng Long giai đoạn II với Công ty T do Nguyễn Trọng H làm Giám đốc. Dự án này Nguyễn Trọng H đã thực hiện xong.

- Ngoài ra Công ty C không ký kết hợp đồng giao dịch nào khác cũng như không có mối quan hệ nào khác với Công ty T.

Tổng số tiền Nguyễn Trọng H chiếm đoạt của ông Trần Đình B đối với dự án này là 1.400.000.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trọng H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Đối với Hợp đồng thuê phá dỡ công trình xây dựng số 4680/CHIC/I 2-2022 đề ngày 14/12/2022 (bản có dấu đỏ) thể hiện nội dung “Công ty TNHH Phát triển khu đô thị C giao Công ty T thực hiện gói thầu thi công phá dỡ công trình xây dựng Trường Nguyễn Bình Khiêm-NBK WEST LAKE” mà H cho ông B xem, H khai là do H tự soạn thảo bằng máy tính cá nhân, scan con dấu và chữ ký của Công ty TNHH Phát triển khu đô thị C (bằng máy in cá nhân) vào hợp đồng. Sau khi đưa cho ông B xem để tạo lòng tin, H đã bỏ đi, không còn lưu giữ nên Cơ quan điều tra không thu thập được và không có căn cứ để xử lý.

2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 3.300.000.000 đồng của ông Trần Đình B qua việc chuyển nhượng dự án phá dỡ công trình để thực hiện Dự án khu nhà ở xã hội tại Tổng kho 3 Lạc Viên, địa chỉ: 142 L, thuộc phường M và phường C, quận N, TP Hải Phòng:

Công ty cổ phần H, có trụ sở chính tại: Lô B5 MG02-15, số 1 L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng, được UBND thành phố Hải Phòng giao đầu tư thực hiện Dự án Khu nhà ở xã hội tại Tổng kho 3 Lạc Viên, số 142 L, thuộc phường M và phường C, quận N, thành phố Hải Phòng theo Quyết định chấp hành chủ trương đầu tư số 3365/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND thành phố Hải Phòng. Mặc dù Công ty cổ phần H không có thỏa thuận, giao dịch ký Hợp đồng nào với Công ty T và Nguyễn Trọng H nhưng để chiếm đoạt tài sản của ông Trần Đình B, tháng 02/2023, tại Văn phòng Công ty B, H trao đổi với ông B về việc Công ty T được Công ty cổ phần H là chủ đầu tư Dự án Khu nhà ở xã hội tại Tổng kho 3 Lạc Viên, địa chỉ: 142 L, thuộc phường M và phường C,

quận N, thành phố Hải Phòng giao cho gói thầu phá dỡ toàn bộ các hạng mục xây dựng dự án trên với khối lượng sắt thép phế liệu rất lớn. Đồng thời, H đưa cho ông B xem “Quyết định chấp hành chủ trương đầu tư số 2212 ngày 08/7/2022 của UBND thành phố Hải Phòng v/v chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu nhà ở xã hội tại Tổng kho 3 Lạc Viên” (H tìm được trên mạng Internet và in ra) với tổng trị giá hợp đồng khoảng hơn 4.865 tỷ đồng. H nói với ông B về việc muốn chuyển nhượng lại cho ông B hạng mục phá dỡ công trình trên. H và ông B thống nhất sau khi tính tiền sắt thép phế liệu ước tính thu gom được tại công trường trừ đi công phá dỡ công trình thì ông B phải thanh toán thêm cho H số tiền 10.000.000.000 đồng để được hưởng sắt thép phế liệu. Để tạo lòng tin cho ông B, H đã dẫn ông B trực tiếp đến khảo sát dự án trên.

Ngày 23/02/2023, tại trụ sở Công ty B, ông B đã ký Biên bản thỏa thuận với H thể hiện việc đồng ý mua lại hạng mục phá dỡ. Cùng ngày ông B đã 03 lần chuyển khoản cho H vào tài khoản số 19023360065015 mang tên Nguyễn Trọng H tại Ngân hàng Techcombank với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng, nội dung ghi: “TRAN BINH CHUYỂN TIỀN DAT coc TONG KHO 3 LAC VIEN 142 LE LAI”. Ngày 25/02/2023, H ký Biên bản cam kết với ông B thể hiện việc: ông B thanh toán tiền theo đúng thỏa thuận phá dỡ dự án 142 L, Hải Phòng và được quyền thu hồi toàn bộ giá trị phá dỡ; phía H cam kết ngày 18/3/2023 đến ngày 20/3/2023 bàn giao mặt bằng cho ông B thi công, nếu không thực hiện đúng thỏa thuận sẽ bồi thường số tiền 10.000.000.000 đồng. Cùng ngày, ông B tiếp tục chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của H số tiền 300.000.000 đồng.

Sáng ngày 07/3/2023, H gọi điện thoại cho ông B và trao đổi về việc H đang ở Hải Phòng dự lễ khởi công Dự án Khu nhà ở xã hội tại Tổng kho 3 Lạc Viên, số 142 L, quận N, Hải Phòng, cần ông B chuẩn bị gấp số tiền mặt là 2.000.000.000 đồng dùng lo chi cho chủ đầu tư giải quyết để ông B được thực hiện hạng mục tháo dỡ tại dự án trên. Chiều cùng ngày, ông B lái xe đến phường N, Hải Phòng gặp H và đưa cho H số tiền 2.000.000.000 đồng tiền mặt theo yêu cầu của H. Khi giao tiền xong, ông B có yêu cầu H tự viết xác nhận nội dung nhận số tiền 2.000.000.000 đồng vào tờ phiếu Giấy lĩnh tiền mà ông B đi rút tiền từ ngân hàng MBBank.

Tổng số tiền Nguyễn Trọng H chiếm đoạt của ông Trần Đình B đối với dự án này là 3.300.000.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trọng H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh tại Công ty cổ phần H xác định:

- Khi được UBND thành phố Hải Phòng giao thực hiện Dự án Khu nhà ở xã hội tại Tổng kho 3 Lạc Viên, số 142 L, thuộc phường M và phường C, quận N, thành phố Hải Phòng, hiện trạng trên toàn bộ tổng diện tích đất của dự án là các kho, nhà xưởng đã được UBND quận N, TP Hải Phòng thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ dân. Nên toàn bộ các nhà xưởng, kho bãi Công ty có hỗ trợ máy móc, nhân lực thực hiện phá dỡ theo đề nghị của UBND quận N. Trong đó toàn bộ sắt thép thu lại sau phá dỡ được tập kết và bàn

giao trả lại tài sản trên cho UBND quận N quản lý, xử lý còn phế thải xây dựng (chạc gạch...) Công ty có phương tiện vận chuyển đi để hoàn trả mặt bằng thực hiện thi công dự án Khu nhà ở xã hội trên. Việc phá dỡ trên không ký kết hợp đồng với bất cứ đơn vị nào.

- Công ty Cổ phần H chưa thoả thuận, giao dịch ký Hợp đồng nào với Công ty TNHH xây dựng công nghiệp T (tại: số 47, ngõ 34/156, tổ 17c phố D, phường V, quận H, Hà Nội; MSDN: 0108986042) do Nguyễn Trọng H (SN: 1984, HKTT: số 83, phường V, quận H, Hà Nội - số CCCD: 0340840013xx) làm Giám đốc. Chưa bao giờ có mối quan hệ quen biết nào với Nguyễn Trọng H là giám đốc Công ty T trên.

Tổng số tiền 4.700.000.000 đồng chiếm đoạt của ông B, H đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết. Ngày 14/4/2023, H đã viết Biên bản làm việc hai bên với ông Trần Đình B, thừa nhận không có chức năng thực hiện thi công phá dỡ công trình xây dựng cũ của dự án: “Trường Nguyễn Bình Khiêm - NBK West Lake” và dự án “Khu nhà ở xã hội tại Tổng kho 3 Lạc Viên”. Ngày 18/9/2023, H viết Giấy thỏa thuận dân sự hẹn đến ngày 18/10/2023 sẽ hoàn trả lại tiền cho ông B. Tuy nhiên, sau đó H trốn tránh, không trả lại tiền cho ông B nên ông B đã gửi đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội. Đến nay, H chưa khắc phục hậu quả cho ông B. Ông Trần Đình B yêu cầu Nguyễn Trọng H bồi thường số tiền 4.700.000.000 đồng đã chiếm đoạt của ông.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 387/2024/HSST ngày 15/7/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Trọng H 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2024.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Trọng H phải hoàn trả cho ông Trần Đình B số tiền 4.700.000.000 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/7/2024, bị cáo Nguyễn Trọng H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là quá nặng.

Ngày 25/7/2024, ông Trần Đình B có đơn kháng cáo, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng H; buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của ông và kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu thêm khoản lãi suất theo quy định tại Điều

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Luật sư của bị hại Trần Đình B làm rõ kháng cáo của bị hại, xác nhận bị hại chỉ kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo; về trách nhiệm bồi thường và nghĩa vụ chịu lãi suất trong trường hợp chậm thi hành án, bị hại đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Nguyễn Trọng H đã gian dối để chiếm đoạt 4,7 tỷ đồng của ông Trần Đình B. Bị cáo phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; cho đến nay, bị cáo chưa khắc phục thiệt hại. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự), nhưng không có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự với bị cáo là đã có lợi cho bị cáo. Xét thấy, mức hình phạt 15 năm tù là phù hợp; tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết mới để xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm, bị cáo tranh luận và trình bày không có tình chiếm đoạt tiền của bị hại; việc xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền 4.7 tỷ đồng là không đúng vì trong số tiền này có 680.000.000 đồng là của dự án khác và là tiền bị hại trả cho bị cáo. Hiện bị cáo ở trong trại giam, không thể có thông tin ra ngoài hoặc liên hệ với gia đình trả tiền cho bị hại được. Bị cáo đề nghị các cơ quan pháp luật giúp bị cáo thu hồi các khoản tiền mà những người khác đang nợ bị cáo, tiền bị cáo làm các dự án khác để trả cho bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo và bị hại có quan hệ làm ăn qua nhiều công trình. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, chỉ không đồng ý về số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm đoạt. Bị cáo cho rằng, bị cáo chỉ chiếm đoạt hơn 4 tỷ đồng và không cố ý; bị cáo đã xin gia hạn để trả nợ nhưng không có cơ hội. Trước khi bị bắt, bị cáo còn có các dự án khác ở Quảng Ninh, Hưng Yên, nhưng hiện bị cáo đang ở trong trại giam không có điều kiện thu xếp tiền trả cho bị hại. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết và giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không nỗ lực để khắc phục thiệt hại mà bị cáo đã gây ra, thể hiện bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo và bị hại có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định trong khoảng thời gian từ tháng 10/2021 đến tháng 3/2023, lợi dụng lòng tin của ông Trần Đình B, Nguyễn Trọng H đã đưa ra thông tin gian dối về việc phá dỡ công trình xây dựng cũ của dự án xây dựng “Trường THCS & THPT Nguyễn Bình Khiêm - NBK West Lake” tại Hà Nội và dự án phá dỡ “Khu nhà ở xã hội tại Tổng kho 3, Lạc Viên” tại Hải Phòng, ký hợp đồng và nhận tiền tạm ứng, rồi chiếm đoạt 4.700.000.000 đồng của ông B. Tòa án cấp sơ thẩm quy kết Nguyễn Trọng H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Nguyễn Trọng H 02 lần lừa đảo để chiếm đoạt tiền của của ông Trần Đình B. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là chính xác.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Nguyễn Trọng H thành khẩn khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cho rằng không có ý định lừa đảo ông Trần Đình B, thể hiện bị cáo chưa nhận thức đầy đủ được hành vi phạm tội của mình, chưa thực sự ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo thành khẩn khai báo, nhân thân chưa có tiền án tiền sự để cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đã có nhiều chiều cố và thể hiện sự khoan hồng đối với bị cáo.

[5] Cho đến thời điểm xét xử phúc thẩm, bị cáo vẫn chưa khắc phục được phần nào khoản tiền đã chiếm đoạt của bị hại; không có tình tiết gì mới để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy bị cáo phạm tội nhiều lần, số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là rất lớn, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 15 năm tù là phù hợp, cần thiết để bảo đảm yêu cầu giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung, không nhẹ như bị hại trình bày trong đơn kháng cáo.

[6] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H; không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Đình B, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án", bị cáo Nguyễn Trọng H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, đã làm rõ phạm vi kháng cáo của bị hại (chỉ kháng cáo về hình phạt đối với bị cáo; không kháng cáo về phần trách nhiệm

dân sự) nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H, không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Đình B, giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 387/2024/HS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng H.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Trọng H 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2024.

2. Bị cáo Nguyễn Trọng H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Hoàn trả lại ông Trần Đình B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0023864 ngày 21/8/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 CA TP. Hà Nội;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- Bị cáo (qua Trại giam);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP (VP), HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thành Quang